

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 10 năm 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Liên
- Ông Hà Văn Cho

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhàn là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **15/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa); Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2025, được bổ sung trong bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hà Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, không bị lừa dối, ép buộc, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 27/7/2011. Đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa năm 2011, chị không nhớ ngày tháng cụ thể. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có chiều mâu thuẫn, nên cuối năm 2017, chị và anh M ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đã công nhận chị và anh Bùi Văn M thuận tình ly hôn; về con chung: Tại thời điểm ly hôn, giữa chị và anh M mới có 02 con chung là các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011 và Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đức T1, anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hoàng T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; về tài sản chị và anh M không yêu cầu giải quyết. Đến ngày 20/10/2017, chị sinh thêm cháu thứ ba là Hà Trương Ngọc L.

Sau khi ly hôn, để cho các con có đủ tình yêu thương của cả bố mẹ, chị và anh M đã hàn gắn tình cảm và kết hôn lại, đăng ký kết hôn ngày 16/8/2018 tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã G, tỉnh Thanh Hoá), Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian, đến năm 2020 lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn M có 03 con chung, là các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011, Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014 và Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017. Theo nội dung đơn khởi kiện, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu. Sau khi nghe ý kiến, nguyện vọng của các con, chị đề nghị Tòa án giải quyết việc giao nuôi con theo nguyện vọng của các cháu, cụ thể: Giao cháu Bùi Hoàng T cho anh Bùi Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, giao các cháu Bùi Đức T1 và Hà Trương Ngọc L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị và anh M đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên chị và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Hà Thị Đ không yêu cầu giải quyết.

Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần để anh Bùi Văn M đến Toà án tham gia giải quyết vụ án, tham gia các phiên hoà giải, nhưng anh M không đến.

Toà án xác minh tại nơi cư trú của đương sự về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa và đại diện gia đình nguyên đơn cho biết, anh Bùi

Văn M đăng ký thường trú tại thôn K, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa), anh M không đăng ký tạm trú ở nơi khác; không khai báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh M chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú. Hiện nay, anh M đang làm việc tại tỉnh Bắc Ninh và Thái Nguyên, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, hàng tháng anh M vẫn về thăm con và gia đình.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Sau khi kết hôn, chị Hà Thị Đ và anh Bùi Văn M chung sống hoà thuận tại thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa một thời gian thì đi làm ăn xa. Trong thời gian đi làm ăn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, gia đình và thôn không biết rõ, chị Đ và anh M cũng không báo thôn để giải quyết. Hiện nay, chị Đ và anh M ly thân, mỗi người một nơi.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị Hà Thị Đ và anh Bùi Văn M có 03 con chung là các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011, Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014 và Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017. Từ khi chị Đ và anh M ly thân, các cháu đều ở cùng ông bà ngoại là ông Hà Văn S tại thôn K, xã G, tỉnh Thanh Hóa, do ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu vẫn khỏe mạnh và được học tập đầy đủ.

Hiện nay, chị Đ và anh M chưa có nhà riêng. Trước kia chị Đ và anh M có nhà tạm tại thôn K, xã G nhưng đã hư hỏng cách đây mấy năm, nên chị Đ và anh M về ở cùng với bố mẹ chị Đ là ông Hà Văn S. Chị Đ và anh M là lao động tự do, thôn và gia đình không rõ mức thu nhập là bao nhiêu, nhưng hàng tháng mỗi người vẫn đóng góp cho ông S từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ để nuôi con. Chị Đ và anh S đều là người hiền lành, chấp hành tốt quy định của pháp luật, chăm chỉ làm ăn và yêu thương con cái. Cả chị Đ và anh M đều đi làm ăn xa, hàng tháng mới về thăm con và gia đình, tháng nào không về thì gửi tiền về cho ông S để chăm lo cho các con. Về việc giao nuôi con, gia đình và thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Nguyên đơn là chị Hà Thị Đ đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Bùi Văn M không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Đ:

+ Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn M.

+ Về con chung: Đối với các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011 và Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định vẫn còn hiệu lực pháp luật nên đề nghị không xem xét. Đối với cháu Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017, đề nghị giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Chị Hà Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Hà Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại xã G, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị Đ, kết quả xác minh và Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2018 ngày 16/8/2018 do UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Đ và anh Bùi Văn M là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Đ đều có nguyện vọng được ly hôn anh M; anh M không có ý kiến. Theo lời trình bày của chị Đ phù hợp kết quả xác minh tại nơi cư trú của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì chị Đ và anh M kết hôn lần đầu vào năm 2011, do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đến ngày 08/9/2017, chị Đ và anh M ly hôn. Đến ngày 16/8/2018, chị Đ và anh M kết hôn lại, nhưng sau khi kết hôn giữa chị Đ và anh M thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh M và có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, anh M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không tiến hành hoà giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh M không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đ, quyết định cho chị Đ được ly hôn anh M.

[5]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị Đ và bản sao Giấy khai sinh của cháu T, cháu T1 và cháu L, phù hợp với kết quả xác minh, đủ cơ sở xác định: Các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011, Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014 được chị Đào S1 ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Đ và anh M. Đối với cháu Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017, được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt cuộc hôn nhân lần thứ nhất giữa chị Đ và anh M (ngày 08/9/2017). Mặt khác, trong Giấy khai sinh của cháu L, phần ghi về người cha là anh Bùi Văn M. Căn cứ Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011, Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014 và Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017 là con chung của chị Đ và anh M.

Chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Bùi Đức T1, Hà Trương Ngọc L và đề nghị giao cháu Bùi Hoàng T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; anh M không có ý kiến về việc giao nuôi con. Xét nguyện vọng của chị Đ, thấy:

Đối với các cháu Bùi Hoàng T và Bùi Đức T1, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã công nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh M, theo đó: Chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đức T1, anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Hoàng T, quyết định còn hiệu lực pháp luật. Hiện nay chị Đ và anh M vẫn thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, nên chị Đ và anh M tiếp tục thực hiện theo quyết định trên. Chị Đ và anh M có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại 84 Luật Hôn nhân và gia

đình khi có căn cứ.

Đối với cháu Hà Trương Ngọc L, bản thân cháu là con gái, kể từ khi chị Đ và anh M ly thân cháu L ở cùng bố mẹ chị Đ. Do đó, để môi trường sống và việc học tập của cháu không bị xáo trộn, để thuận tiện cho việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Mặt khác, cháu L đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với chị Đ. Vì vậy, để cháu L được yêu thương, chăm sóc đầy đủ, có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, nên giao cháu L cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Hiện nay chị Đ và anh M đều là lao động tự do, chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ.

[6]. Về tài sản: Chị Hà Thị Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Hà Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 88 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn M.

Về con chung:

- Đối với cháu T và cháu T1: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã công nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh M về việc giao nuôi con đối với các cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 29/11/2011 và Bùi Đức T1, sinh ngày 29/12/2014, quyết định còn hiệu lực pháp luật, nên chị Đ và anh M tiếp tục thực hiện theo quyết định trên. Trường hợp chị Đ, anh M có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định tại 84 Luật Hôn nhân và gia đình khi có căn cứ.

- Đối với cháu L: Giao cháu Hà Trương Ngọc L, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh

M phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0006688 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa). Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Hà Thị Đ, bị đơn Bùi Văn M. Chị Đ và anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- UBND xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng TT, KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tâm